

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Số: 128 /2012/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2011, cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 28 tháng 03 năm 2012, trình bày từ trang 6 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên công việc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi những vấn đề sau:

Hạn chế do phạm vi công việc bị giới hạn:

Đến thời điểm lập báo cáo này chúng tôi chưa thu thập được các thông tin cần thiết liên quan đến giá trị hợp lý của khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt, Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Đông Dương và Công ty Cổ phần Công nghệ Hạ tầng và Thương mại Hà Nội trình bày tại thuyết minh số 9 của phần thuyết minh Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá rằng liệu có khả năng giảm giá đối với của khoản đầu tư này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam



Nguyễn Thị Phương Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Minh Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0666/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2011	Tại ngày 01/01/2011
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.084.869.874	11.609.051.590
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	46.761.761.906	6.755.306.129
1. Tiền mặt tại quỹ	111		89.469.052	7.427.523
2. Tiền gửi ngân hàng	112		269.012.317	468.228.606
- Công ty			57.542.693	221.384.974
- Nhà đầu tư			211.469.624	246.843.632
4. Tương đương tiền	114		46.403.280.537	6.279.650.000
- Công ty			6.486.531.375	6.279.650.000
- Nhà đầu tư			39.916.749.162	-
II. Đầu tư ngắn hạn	120		3.220.000.000	3.000.000.000
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122	5	3.220.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		6.072.323.297	1.715.666.975
1. Phải thu của khách hàng	131		45.200.000	-
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		280.267.542	46.246.698
4. Phải thu khác	134	6	5.746.855.755	1.669.420.277
V. Tài sản lưu động khác	150		30.784.671	138.078.486
2. Tài sản lưu động khác	152		30.784.671	138.078.486
B-TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		362.087.429.967	32.905.048.876
I. Tài sản cố định	210		1.176.787.815	546.355.033
1. Tài sản cố định hữu hình	211	7	1.176.787.815	513.002.166
- Nguyên giá	212		1.873.766.038	1.024.757.038
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(696.978.223)	(511.754.872)
3. Tài sản cố định vô hình	217	8	-	33.352.867
- Nguyên giá	218		100.058.635	100.058.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(100.058.635)	(66.705.768)
II. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	230		205.555.597.509	23.529.383.509
1. Đầu tư chứng khoán	231	9	205.555.597.509	23.529.383.509
- Chứng khoán tự doanh			7.628.640.000	12.901.936.000
- Chứng khoán của nhà đầu tư			197.926.957.509	10.627.447.509
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		155.355.044.643	8.829.310.334
1. Chi phí trả trước	261		35.033.363	9.310.334
2. Các khoản ký quỹ, ký cược	262	10	155.320.011.280	8.820.000.000
- Công ty			980.000.000	980.000.000
- Nhà đầu tư			154.340.011.280	7.840.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		418.172.299.841	44.514.100.466

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2011	Tại ngày 01/01/2011
A-NỢ PHẢI TRẢ	300	11	392.978.459.145	19.376.304.870
I. Nợ ngắn hạn	310		572.171.250	280.316.809
2. Phải trả người bán	312		146.135.556	139.874.543
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		25.742.130	48.718.368
4. Phải trả công nhân viên	314		1.500.000	91.491.000
7. Phải trả, phải nộp khác	317		398.793.564	232.898
II. Nợ dài hạn	340		392.406.287.895	19.095.988.061
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	341		11.100.320	6.696.920
3. Phải trả người ủy thác đầu tư	343		392.395.187.575	19.089.291.141
B-NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.193.840.696	25.137.795.596
I. Nguồn vốn	410	12	25.193.840.696	25.137.795.596
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		25.000.000.000	25.000.000.000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		193.840.696	137.795.596
II - Quỹ	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		418.172.299.841	44.514.100.466

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại ngày 31/12/2011	Tại ngày 01/01/2011
Chứng khoán theo mệnh giá	005	184.356.260.000	24.111.500.000



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Hà Trung
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	13	2.351.229.554	233.882.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		2.351.229.554	233.882.913
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	14	515.453.702	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12		1.835.775.852	233.882.913
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	15	1.402.065.644	3.378.443.712
7. Chi phí tài chính	14	16	-	1.075.143.800
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	17	3.164.997.594	2.458.959.136
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16		72.843.902	78.223.689
10. Thu nhập khác	17		1.882.898	-
12. Lợi nhuận khác	19		1.882.898	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20		74.726.800	78.223.689
14. Thuế TNDN phải nộp	21	18	18.681.700	21.923.598
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	22		56.045.100	56.300.091



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Hà Trung
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	01		282.920.054.135	703.671.885
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05		36.901.952.785	29.645.865.143
- Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08		(189.372.760)	(84.585.230)
- Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09		(1.482.980.481)	(980.834.091)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(24.404.030.896)	(30.261.002.726)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30		293.745.622.783	(976.885.019)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	31		(849.009.000)	(28.270.941)
- Tiền đầu tư chứng khoán	33		(388.143.461.297)	(70.290.000.000)
- Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34		132.871.202.150	58.188.597.245
- Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37		2.602.101.141	2.447.198.331
- Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38		3.000.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39		(3.220.000.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40		(253.739.167.006)	(12.682.475.365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	60		40.006.455.777	(13.659.360.384)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	70	4	6.755.306.129	20.414.666.513
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	80		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	90	4	46.761.761.906	6.755.306.129



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Hà Trung
Kế toán trưởng